

Bản án số:132/2022/DS-PT

Ngày: 30/9/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng góp
tiền mua đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Bảo

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền; bà Hoàng Thị Hải Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: bà Hà Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 và 30/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2022/TLPT- DS ngày 12/7/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp tiền mua đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2022/QĐ-PT ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2022/QĐ-PT ngày 06/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2022/QĐ-PT ngày 23/9/2022 giữa:

+ *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm 1970, (có mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư – xây dựng và thương mại Trường Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Thân Đức C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 1393, tổ 4, khu 34, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn

- Luật sư Tạ Anh T – Văn phòng luật sư Bách Gia Luật và Liên danh –
Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, (có mặt).

Địa chỉ: Phòng 904, toà CT2 khu đô thị chức năng X, phường X, quận N, thành phố Hà Nội.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1393, tổ 4, khu 34, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Thân Đức C, sinh năm 1992(vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 1393, tổ 4, khu 34, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1992, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai nguyên đơn là bà Ngô Thị N trình bày:

Ngày 13/11/2020 bà có chuyển 500.000.000 đồng vào tài khoản số 2512205019807 của bà H tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, lý do chuyển là góp tiền mua đất.

Ngày 18/12/2020, Bà có ký hợp đồng hợp tác đầu tư mua đất số 02/2020/HĐHTMĐ với công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Trường Đ (Sau đây viết tắt là công ty Trường Đ); Địa chỉ tại: Số nhà 1393, tổ 4, khu 34, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do bà Nguyễn Thị H đại diện theo pháp luật ký tên và đóng dấu. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì bà góp vốn cùng công ty để mua đất khu Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang để phân lô bán nền, mục đích là kinh doanh kiếm lời. Bà đã góp vốn 500.000.000 đồng, tương đương với 9,1% tổng số vốn đầu tư mua đất khu Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang. Ngày 23/4/2021 bà đã có thông báo với công ty Trường Đ xin rút lại tiền trên.

Quá trình xét xử sơ thẩm bà yêu cầu tuyên bố hợp đồng hợp tác đầu tư mua đất số 02/2020/HĐHTMĐ ký ngày 18/12/2020 giữa bà và công ty Trường Đ là vô hiệu và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng với lý do:

- Việc đầu tư mua đất ở khu Khám Lạng, Lục Nam để phân lô bán nền là không hợp pháp vì khu đất tại Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất dân cư. Mặt khác, trong danh mục giấy phép hành nghề kinh doanh của Công ty Trường Đ do bà H làm đại diện không có danh mục kinh doanh bất động sản. Việc này trước khi ký hợp đồng bà không biết.

- Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Trường Đ (Sau đây viết tắt là công ty Trường Đ) do anh Thân Đức C trình bày: Công ty Trường Đ được thành lập vào khoảng tháng 8 năm 2020. Lúc đó người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 1393, tổ 4, khu 34, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; Còn người đại diện theo pháp luật hiện nay là ông Thân Đức C, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 1393, tổ 4, khu 34, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Khi công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật thì có được bàn giao lại quyền và nghĩa vụ của công ty Trường Đ từ bà H là người đại diện

theo pháp luật trước của công ty. Trong quá trình bàn giao thì bà H không bàn giao về việc ký kết hợp đồng hợp tác mua bán đất với bà Ngô Thị N. Nay, bà N khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng hợp tác đầu tư mua đất số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc công ty Trường Đ phải trả bà N số tiền 500.000.000 đồng. Công ty Trường Đ không đồng ý.

- Bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Trước thời điểm tháng 12/2020, bà và bà N đã nhiều lần hợp tác đầu tư kinh doanh mua bán đất ở. Tháng 12/ 2020 khi bà N đang biết bà đang đầu tư đất tại Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang có diện tích là 1400m² với số tiền 5.488.000.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu đồng) thì bà N đã xin đầu tư với số vốn 500.000.000 đồng tương đương với 9,1% tổng giá trị lô đất đầu tư. Sau khi thỏa thuận bà và bà N đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư mua đất số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020. Tại thời điểm ký hợp đồng nêu trên bà đang là đại diện theo pháp luật của Công ty Trường Đ. Tuy nhiên, hiện nay người đại diện theo pháp luật của công ty Trường Đ là ông Thân Đức C. Sau khi nhận số tiền của bà N thì bà đã sử dụng số tiền đó đúng mục đích mua khu đất có diện tích 14.000m² tại địa chỉ Khu Khám Lạng, Lục Nam, Bắc Giang. Khi ký hợp đồng nêu trên, bà N tham gia đầu tư là hoàn toàn tự nguyện. Nay bà thấy nội dung khởi kiện của bà N là không có căn cứ vì: Giá trị thời hạn của bản hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 vẫn còn giá trị, chưa quá hạn hợp đồng đã ghi trong hợp đồng; Bà N không thực hiện đầy đủ như đã cam kết trong hợp đồng được nêu tại mục 1 và mục 6 Điều 7 của hợp đồng.

Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2021, Bà H trình bày: Sau khi ký hợp đồng nêu trên, bà đã tiến hành mua 01 lô đất của bà Nguyễn Thị Tuyến, ở thôn Đình xã Khám Lạng, huyện Lục Nam và đã được chỉnh lý trang 4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA059355 ngày 20/11/2001 thành tên Thân Đức C (là con trai của bà). Khi mua lô đất trên thì bà có ủy quyền bằng miệng cho anh C để làm các thủ tục mua bán đất trên nên anh C mới đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó. Việc mua bán đất bà có thông báo cho bà N biết. Đối với hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 việc đóng dấu của công ty Trường Đ chỉ để xác nhận như người làm chứng.

- Anh Thân Đức C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh có được bà H ủy quyền đứng ra mua 01 thửa đất tại thôn Đình, xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Anh mua thửa đất trên của ông Nguyễn Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Tuyến. Hiện nay, thửa đất đó đã được chỉnh lý trang 4 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn tiền mua thửa đất trên là của 3 người gồm: Bà Nguyễn Thị H, bà Ngô Thị N và anh. Anh mua thửa đất trên với giá hơn 03 tỷ đồng trong đó: Anh có 1,7 tỷ; bà N có 500 triệu đồng; còn lại là của bà H. Số tiền của bà N là do bà H chuyển cho anh. Khi bà H chuyển tiền cho anh thì anh tưởng là chỉ có số

tiền của bà H. Thời điểm bà H chuyển tiền cho anh vào khoảng tháng 12/2020. Đến khi bà N làm đơn đến phòng giáo dục để tố cáo bà H thì anh mới biết trong tổng số tiền của bà H chuyển cho anh có một phần của bà N. Việc anh C đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do anh góp tiền nhiều nhất. Việc anh thực hiện mua bán thửa đất với ông Chiến, bà Tuyên là với tư cách cá nhân. Trong trường hợp tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu thì bà H phải có trách nhiệm trả bà N số tiền 500.000.000 đồng.

- *Chị Nguyễn Thị Hương L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:* Chị và anh C có quan hệ vợ chồng. Anh C và chị có đứng tên trong 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại Khám Lạng, huyện Lục Nam. Tuy nhiên, chị không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất nêu trên.

Do có nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 04/2/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N yêu cầu tuyên bố hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Về án phí: Bà Ngô Thị N phải chịu 24.300.000 đồng tiền án phí DSST nhưng được trừ đi số tiền đã tạm ứng án phí là 12.300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số 0001110 ngày 13/10/2021. Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2022, bà N nộp đơn kháng cáo. Tại đơn kháng cáo bà N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm;

Bà xác định hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 là có liên quan đến cả công ty Trường Đ và bà Nguyễn Thị H; bà yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 giữa bà với công ty Trường Đ và bà H là vô hiệu hoặc chấm dứt và yêu cầu công ty Trường Đ, bà H và anh C phải liên đới trả lại cho bà 500.000.000 đồng. Số tiền 500.000.000 đồng mà bà giao cho bà H là giao cho công ty Trường Đ và nay bà H lại giao cho anh C và anh C đã dùng tiền này mua đất đứng tên vợ chồng anh C chị Hương; việc bà H giao tiền 500.000.000 đồng cho anh C là bà không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà N giữ nguyên kháng cáo và cho rằng bà H đã nhận tiền của bà, lợi dụng chức danh giám đốc, dùng con dấu do Sở đầu tư cấp để lừa bà và dùng tiền của bà không đúng theo thỏa thuận mà bản án sơ thẩm lại không buộc ai trả tiền bà là không đảm bảo quyền lợi cho bà.

Luật sư bảo vệ cho bị đơn trình bày : Bà H đang thực hiện đúng hợp đồng, bản án sơ thẩm xử là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ và đúng các thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bản án sơ thẩm xử là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Bà H, anh C và chị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ ba nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2] *Về ký, về hình thức, về nội dung và thực hiện hợp đồng số 02/2020/HĐHTMD ngày 18/12/2020 thì thấy:*

[2.1] Về ký hợp đồng: Công ty Trường Đ do bà Nguyễn Thị H làm giám đốc từ ngày đăng ký 18/8/2020, đến ngày 27/9/2021 thì do anh Thân Đức C (con trai bà H) làm Giám đốc. Ngày 13/11/2020 bà N có chuyển cho bà H 500.000.000 đồng, lý do chuyển là góp tiền mua đất. Để thống nhất việc góp 500.000.000 đồng trên vào đầu tư mua đất thì ngày 18/12/2020 tại trụ sở công ty Trường Đ, số nhà 1393, tổ 4, khu 34, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Bà N và bà H có ký hợp đồng hợp tác đầu tư mua đất số 02/2020/HĐHTMD.

[2.2] Về hình thức, nội dung và thực hiện hợp đồng số 02/2020/HĐHTMD ngày 18/12/2020 : Hợp đồng số 02/2020/HĐHTMD ngày 18/12/2020 được đóng dấu công ty Trường Đ tại góc trái trang 01 của hợp đồng; đóng giáp lai giữa các trang của hợp đồng và đóng vào chữ ký của bà H tại trang cuối của hợp đồng(vị trí đại diện các bên trong hợp đồng và khi đó bà H đang làm Giám đốc công ty Trường Đ); hợp đồng được bà H chủ động soạn thảo và ký tại trụ sở công ty Trường Đ, số nhà 1393, tổ 4, khu 34, xã Song Mai, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, khi đó bà H đang là giám đốc công ty Trường Đ.

Tại Điều 4 và Điều 5 hợp đồng có thỏa thuận rất rõ về quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc nhận và chuyển nhượng vốn góp, thỏa thuận này chỉ có trong việc góp vốn vào công ty.

- Căn cứ vào việc thống nhất góp vốn giữa bà N và bà H(khi đó bà H đang là Giám đốc công ty Trường Đ), việc soạn thảo hợp đồng, địa điểm ký hợp đồng, hình thức hợp đồng,nội dung hợp đồng và căn cứ khoản 2 Điều 121; khoản 6 Điều 404

BLDS(khoản 6 Điều 404 BLDS ghi: “6. Trường hợp bên soạn thảo đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên kia thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên kia”). Có đủ căn cứ xác định hợp đồng hợp đồng số 02/2020/HĐHTMB ngày 18/12/2020 là bà N ký với công ty Trường Đ do bà H làm giám đốc. Việc bà H và Luật sư bảo vệ cho bà H cho rằng công ty Trường Đ là người làm chứng của hợp đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại bút lục số 40,39 bà H khai: Tháng 12/2020 bà N biết bà đang đầu tư đất khu Khám Lạng, huyện Lục Nam, diện tích 1.400m², giá 5.488.000.000 đồng nên bà N xin đầu tư, hai bà thống nhất đã ký hợp đồng số 20/2020H HTĐTMB ngày 18/12/2020. Sau khi nhận tiền của bà N thì bà đã dùng tiền của bà N đầu tư vào khu đất 14.000m² tại Khám Lạng, huyện Lục Nam, hiện khu đất có diện tích lớn, giá cao nên chưa bán được nên chưa thể hoàn thiện nội dung đã ký trong hợp đồng. Bà H khai vậy nhưng không có căn cứ gì chứng minh cho lời khai của bà. Anh C khai: Anh mua đất của ông Chiến, bà Tuyến với giá 3 tỷ (trong đó anh C có 1.700.000.000 đồng và 1.300.000.000 đồng là do bà H chuyển cho, khi bà H chuyển tiền cho anh C thì bà H không nói có phần tiền của bà N)

-Xét ngày 13/11/2020 bà H nhận tiền của bà N và đến ngày 18/12/ 2020 bà N và công ty Trường Đ do bà H đại diện ký chuyển số tiền 500.000.000 đồng trên vào công ty Trường Đ nhưng sau đó bà H không thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản tài khoản của công ty là lỗi của bà H, bà N không có lỗi. Căn cứ vào lời khai của bà H về việc sử dụng 500.000.000 đồng của bà N góp vốn, lời khai của anh C về việc nhận tiền của bà H để mua đất và việc đăng ký biến động chuyển nhượng từ ông Chiến bà Tuyến sang vợ chồng anh C chị L. Có đủ căn cứ xác định bà H đã sử dụng tiền của bà N không đúng trong hợp đồng và đang chiếm dụng vốn của bà N.

[3] Lời trình bày của bà H tại bút lục số 40,39 là tháng 12/2020 bà N biết bà đang đầu tư đất khu Khám Lạng, huyện Lục Nam, diện tích 1.400m², giá 5.488.000.000 đồng nên bà N xin đầu tư, hai bà thống nhất đã ký hợp đồng số 20/2020H HTĐTMB ngày 18/12/2020. Sau khi nhận tiền của bà N thì bà đã dùng tiền của bà N đầu tư vào khu đất 14.000m² tại Khám Lạng, huyện Lục Nam, hiện khu đất có diện tích lớn, giá cao nên chưa bán được nên chưa thể hoàn thiện nội dung đã ký trong hợp đồng. Bà H khai vậy nhưng không có căn cứ gì chứng minh cho lời khai của bà.

Căn cứ lời khai của anh C, lời khai tiếp theo của bà H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh C, chị Hương có trong hồ sơ thì có căn cứ khẳng định là, sau khi bà H nhận 500.000.000 đồng của N thì bà H quản lý sử dụng tiền này. Sau đó bà H đã chuyển tiền của bà N cho anh C(con trai bà H) để anh C, chị Hương mua đất của ông Chiến, bà Tuyến với giá 3 tỷ (trong đó anh C có 1.700.000.000 đồng và 1.300.000.000 đồng là do bà H chuyển cho, khi bà H chuyển tiền cho anh C thì bà H không nói có phần tiền của bà N). Căn cứ các lời khai trên

của bà H và anh C cho thấy bà H khai có nhiều mâu thuẫn không có căn cứ chấp nhận.

Từ các căn cứ trên cho thấy số tiền 500.000.000 đồng bà N góp vốn vào công ty Trường Đ theo hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 đã bị bà H sử dụng trái với thỏa thuận nên hợp đồng này không thực hiện được nữa. Do vậy cần căn cứ Điều 423 BLDS để hủy bỏ hợp đồng theo yêu cầu của bà N là có căn cứ.

Xét bà N yêu cầu bà H, công ty Trường Đ và anh C phải liên đới trả cho bà 500.000.000 đồng thì thấy, đây là quyền yêu cầu của bà N. Xong xét hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 là ký giữa bà N với công ty Trường Đ nhưng bà H chưa chuyển tiền này vào tài sản của công ty và hợp đồng đã bị hủy bỏ. Xét bà H là người nhận tiền và sử dụng tiền trái với thỏa thuận. Để giải quyết nhanh chóng, triệt để vụ án, đúng bản chất vụ án, cần buộc bà H phải thanh toán trả lại bà N 500.000.000 đồng. Anh C nhận tiền từ bà H để mua đất, khi nhận tiền anh không biết đó có tiền của bà N nên anh C không phải thanh toán cho bà N. Bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu của bà N và đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là không đảm bảo quyền lợi của bà N nên cần sửa án sơ thẩm.

[4] Căn cứ đơn khởi kiện thì bà N kiện tranh chấp hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 giữa bà N với công ty Trường Đ. Thông báo thụ lý thì cấp sơ thẩm xác định tranh là giữa bà N với bà H. Bản án sơ thẩm xử: “Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N yêu cầu tuyên bố hợp đồng số 02/2020/HĐHTMĐ ngày 18/12/2020 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu”. Vậy là bản án sơ thẩm xử bác yêu cầu của bà N nhưng không tuyên với ai và nhận định của bản án cũng không rõ việc tranh chấp là giữa bà N với ai. Như vậy việc thụ lý, việc nhận định và quyết định của cấp sơ thẩm là có nhiều thiếu sót. Xét thiếu sót của bản án sơ thẩm là không vi phạm nghiêm trọng về tố tụng nên được khắc phục tại cấp phúc thẩm.

[5] Từ những sự phân tích đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa án sơ thẩm.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên phải xác định lại án phí sơ thẩm. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện và chấp nhận kháng cáo của bà N nên bà N không phải chịu án phí, hoàn trả bà N tiền tạm ứng án phí. Công ty Trường Đ phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Bà H phải chịu 24.000.000 đồng án phí sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 34, 147, 148 khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 121; Điều 404; Điều 423; Điều 427; Bộ luật Dân sự. Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12 / 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án, Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị N: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 04/2/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang .

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N. Hủy bỏ hợp đồng số 02/2020/ HĐHTMD ngày 18/12/2020 giữa bà Ngô Thị N với Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng và thương mại Trường Đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán trả lại bà Ngô thị N 500.000.000 (Lăm trăm triệu) đồng.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần Đầu tư - xây dựng và thương mại Trường Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 24.000.000 (Hai bốn triệu) đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn trả bà N 12.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001110 ngày 13/10/2021 và biên lai số: 0001544 ngày 10/6/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ khi bà N có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Bảo

